

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2020/HS-ST
Ngày: 31-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Liệu

2. Bà Vương Thị D2

Thư ký phiên tòa: Ông Quách Kim Lân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn L - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 27, 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 62/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Thành L, sinh năm 1987 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp Đồn Điền 2, xã TT, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1961; Vợ: Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1990, con: 02 người, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1974; nơi cư trú: Ấp Tam Bung, xã PT, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

2/ Ông Lê Thanh H, sinh năm 1971; nơi cư trú: Ấp Đồn Điền 3, xã TT, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

3/ Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1979; nơi cư trú: Ấp Chợ, xã SN, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

4/ Bà Nguyễn Thị Lệ D, sinh năm 1968; nơi cư trú: Ấp Đồn Điền 3, xã TT, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

5/ Bà Vũ Thị Mỹ D2, sinh năm 1988; nơi cư trú: Ấp Gia Yên 3, xã GT 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

6/ Bà Bùi Thị Kim C, sinh năm 1988; nơi cư trú: Ấp Đồn Điền 2, xã TT, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

7/ Ông Võ Cao T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Ấp Bến Nôm 1, xã PC, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

8/ Bà Triệu Thị T2, sinh năm 1971; nơi cư trú: Ấp Đồn Điền 3, xã TT, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

9/ Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1992; nơi cư trú: Ấp Đồn Điền 2, xã TT, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

10/ Bà Phạm Thị Kim P2, sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp Thái Hòa 2, xã PT, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

11/ Bà Hoàng Thị Tú L, sinh năm 1978; nơi cư trú: Ấp Thái Hòa 2, xã PT, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

12/ Bà Nguyễn Thị Lê P, sinh năm 1969; nơi cư trú: Ấp Chợ, xã PT, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Tất cả người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt)

NỘI D2 VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ đầu tháng 5/2018, bị cáo Lê Thành L dùng tiền của mình cho những người khác vay từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất từ 5% đến 30%/tháng. Để đảm bảo việc thu tiền lãi và tiền gốc L yêu cầu người vay phải thế chấp lại các giấy tờ tùy thân hoặc các giấy tờ có liên quan, sau 10 ngày kể từ ngày cho vay L sẽ sử dụng điện thoại để đòi hoặc tìm gặp trực tiếp để thu tiền lãi, trường hợp người vay không đóng lãi đúng hạn thì L sẽ cộng tiền lãi vào tiền gốc và tiếp tục tính lãi.

Căn cứ vào mức lãi suất cao nhất cho phép trong giao dịch dân sự (8,33%/tháng), đối chiếu với các khoản tiền, lãi suất mà L đã cho vay và đã thu được trong quá trình cho vay đến khi bị bắt quả tang thì xác định số tiền L đã thu lợi bất chính từ việc thu tiền lãi nặng như sau (06 người vay). Cụ thể như sau:

1. Đối với hợp đồng L cho bà Võ Thị Đ, sinh năm 1974, trú tại ấp Tam Bung, xã PT, huyện Định Quán vay:

- Đầu tháng 6/2018, L cho bà Đ vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất vay 30%/tháng, L thu được tiền lãi trong 20 ngày với số tiền 2.000.000 đồng. Như vậy, thu lợi bất chính một tháng 21,67% lãi suất, với số tiền thu lợi bất chính tương ứng là 1.444.667 đồng.

- Đầu tháng 7/2018, L cho bà Đ vay thêm số tiền 10.000.000 đồng, nâng số nợ gốc lên 20.000.000 đồng với lãi suất 30%/tháng, thu tiền lãi được 20 ngày với số tiền 4.000.000 đồng. Như vậy, thu lợi bất chính một tháng 21,67% lãi suất, với số tiền thu lợi bất chính tương ứng là 2.889.334 đồng.

- Cuối tháng 7/2018, L tiếp tục cho bà Đ vay thêm 10.000.000 đồng nâng tổng số nợ gốc thành 30.000.000 đồng, cũng với lãi suất 30%/tháng, L thu được thêm một tháng tiền lãi với số tiền 9.000.000 đồng. Như vậy, thu lợi bất chính một tháng 21,67% lãi suất, với số tiền thu lợi bất chính tương ứng là 6.501.000 đồng.

- Sau đó, vì bà Đ hết khả năng trả lãi đúng hạn nên L cộng thêm 10.000.000 đồng tiền lãi vào tiền gốc vay nâng tổng số nợ gốc lên 40.000.000 đồng, cũng với lãi suất như trên, L thu được 20 ngày tiền lãi với số tiền 8.000.000 đồng. Như vậy, thu lợi bất chính một tháng 21,67% lãi suất, với số tiền thu lợi bất chính tương ứng là 5.778.667 đồng.

- Sau đó, bà Đ trả cho L được 25.000.000 đồng tiền gốc, còn lại 15.000.000 đồng tiền gốc L tiếp tục tính lãi như cũ và thu được thêm 1 tháng 05 ngày tiền lãi với số tiền 5.000.000 đồng. Như vậy, thu lợi bất chính một tháng 21,67% lãi suất, với số tiền thu lợi bất chính tương ứng là 3.792.250 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi L thu lợi bất chính từ việc cho bà Đ vay lãi nặng là: 1.444.667 đồng + 2.889.334 đồng + 6.501.000 đồng + 5.778.667 đồng + 3.792.250 đồng = **20.405.918 đồng**.

Tổng số tiền gốc L cho bà Đ vay là 30.000.000 đồng, hiện bà Đ đã trả cho L được 25.000.000 đồng còn nợ L 5.000.000 đồng tiền gốc.

2. Đối với hợp đồng L cho anh Lê Thanh H, sinh năm 1991, trú tại ấp Đồn Điền 3, xã TT, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai vay:

- Cuối tháng 6/2018, L cho anh H vay số tiền 15.000.000 đồng, với lãi suất vay 21%/tháng và thu được một tháng tiền lãi với số tiền 3.150.000 đồng. Như vậy, thu lợi bất chính một tháng 12,67% lãi suất, với số tiền thu lợi bất chính tương ứng là **1.950.500 đồng**. Sau đó anh H đã thanh toán hết tiền gốc cho L.

3. Đối với hợp đồng L cho chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1979, trú tại ấp Chợ, xã SN, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai vay:

- Cuối tháng 7/2018, L cho chị H2 vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất vay 30%/tháng và thu được một tháng tiền lãi với số tiền 3.000.000 đồng. Như vậy, thu lợi bất chính một tháng 21,67% lãi suất, với số tiền thu lợi bất chính tương ứng là 2.167.000 đồng.

- Đầu tháng 9/2018 L cho chị H2 vay thêm số tiền 15.000.000 đồng, nâng tổng số nợ gốc lên thành 25.000.000 đồng, lãi suất vay 30%/tháng và thu được thêm một tháng tiền lãi với số tiền 7.500.000 đồng. Như vậy, thu lợi bất chính một tháng 21,67% lãi suất, với số tiền thu lợi bất chính tương ứng là 5.417.500 đồng.

- Cuối tháng 11/2018, L tiếp tục cho chị H2 vay thêm số tiền 20.000.000 đồng, nâng tổng số nợ gốc lên thành 45.000.000 đồng với lãi suất vay 30%/tháng và thu được 15 ngày tiền lãi với số tiền 7.000.000 đồng. Như vậy, thu lợi bất chính một tháng 21,67% lãi suất, với số tiền thu lợi bất chính tương ứng là 4.887.575 đồng.

- Sau đó, chị H2 không có khả năng trả tiền lãi cho L nên L cộng tiếp 39.000.000 đồng tiền lãi vào tiền gốc, nâng tổng số tiền gốc lên thành 84.000.000 đồng và tính lãi suất 5%/tháng và thu được thêm 4.000.000 đồng tiền lãi (với khoản vay này lãi suất thấp hơn 8,33%/tháng nên không vượt quá).

Tổng số tiền L thu lợi bất chính từ việc cho chị H2 vay và thu tiền lãi nặng vượt quá quy định là: 2.167.000 đồng + 5.417.500 đồng + 4.887.575 đồng = **12.472.975 đồng.**

Tổng số tiền vốn gốc L bỏ ra cho chị H2 vay là 45.000.000 đồng, hiện chị H2 chưa trả tiền gốc.

4. Đối với hợp đồng L cho bà Nguyễn Thị Lệ D, sinh năm 1968, trú tại ấp Đồn Điền 3, xã TT, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai vay:

- Đầu tháng 7/2018, L cho bà D vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất vay 30%/tháng, thu lãi được 10 ngày với số tiền 1.000.000 đồng. Như vậy, L thu lợi bất chính 21,67% lãi suất, với số tiền thu lợi bất chính tương ứng là 722.334 đồng.

- Giữa tháng 7/2018, L cho bà D vay thêm số tiền 10.000.000 đồng, nâng số nợ gốc vay thành 20.000.000 đồng, cũng với lãi suất 30%/tháng, L thu được 01 tháng tiền lãi là 6.000.000 đồng, Như vậy, L thu lợi bất chính 21,67% lãi suất, với số tiền thu lợi bất chính tương ứng là 4.334.000 đồng. Sau đó bà D đã trả hết nợ gốc cho L đối với khoản vay này.

- Sau đó, bà D tiếp tục vay của L 10.000.000 đồng với lãi suất 30%/tháng, L thu được 10 ngày tiền lãi với số tiền là 1.000.000 đồng. Như vậy, L thu lợi bất chính 21,67% lãi suất, với số tiền thu lợi bất chính tương ứng là 722.334 đồng.

- Giữa tháng 9/2018, L cho bà D vay thêm số tiền 10.000.000 đồng, nâng số nợ gốc thành 20.000.000 đồng, với lãi suất vay 30%/tháng, L thu được 02 tháng tiền lãi với số tiền 12.000.000 đồng. Như vậy, L thu lợi bất chính 21,67% lãi suất, với số tiền thu lợi bất chính tương ứng là 8.668.000 đồng.

Tổng số tiền L thu lợi bất chính từ việc cho bà D vay và thu tiền lãi nặng vượt quá quy định là: 722.334 đồng + 4.334.000 đồng + 722.334 đồng + 8.668.000 đồng = **14.446.668 đồng**.

Tổng số tiền vốn gốc L bỏ ra cho bà D vay là 40.000.000 đồng, hiện đã trả 30.000.000 đồng tiền gốc cho L, còn tH lại 10.000.000 đồng.

5. Đối với hợp đồng L cho chị Vũ Thị Mỹ D2, sinh năm 1988, trú tại ấp Gia Yên, xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai vay:

- Ngày 17/6/2018, L cho chị D2 vay số tiền 15.000.000 đồng, với lãi suất vay 21%/tháng, L thu được 01 tháng tiền lãi với số tiền 3.150.000 đồng. Như vậy, L thu lợi bất chính 12,67% lãi suất, với số tiền thu lợi bất chính tương ứng là **1.905.000 đồng**. Hiện chị D2 chưa trả nợ gốc cho L.

6. Đối với hợp đồng L cho chị Bùi Thị Kim C, sinh năm 1988, trú tại ấp Đồn Điền 2, xã TT, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai vay:

- Tháng 6/2018, L cho chị C vay số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất vay 30%/tháng, L thu được 01 tháng tiền lãi với số tiền 6.000.000 đồng. Như vậy, L thu lợi bất chính 21,67% lãi suất, với số tiền thu lợi bất chính tương ứng là **4.334.000 đồng**. Sau khi trả lãi được 01 tháng cho L, chị C tiếp tục vay của L thêm 10.000.000 đồng, nâng tổng số nợ gốc lên 30.000.000 đồng cũng với lãi suất như trên, L thu lãi của chị C được 03 tháng với số tiền là 27.000.000 đồng. Như vậy, L thu lợi bất chính 21,67% lãi suất/ 1 tháng, với số tiền thu lợi bất chính 03 tháng tương ứng là **19.503.000 đồng**.

Tổng số tiền L thu lợi bất chính của chị C là **4.334.000 đồng + 19.503.000 đồng = 23.837.000 đồng**.

Quá trình điều tra, L còn khai nhận đã cho 06 người khác vay, nhưng hiện những người này không có mặt tại địa P để làm việc được, gồm:

1. Tháng 5/2018, L cho anh Võ Cao T, sinh năm 1988, trú tại ấp Bến Nôm 1, xã Phú Cường, huyện Định Quán vay 50.000.000 đồng, với lãi suất 10%/tháng và thu được 01 tháng tiền lãi là 5.000.000 đồng. Như vậy, L thu lợi bất chính 1,67% lãi suất, với số tiền thu lợi bất chính tương ứng là **835.000 đồng**. Hiện anh T chưa hoàn trả tiền gốc cho L.

2. Cuối tháng 6/2018, L cho chị Triệu Thị Trương, sinh năm 1971, trú tại ấp Đồn Điền 3, xã TT, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai vay 15.000.000 đồng, với lãi suất 24%/tháng, L thu được 1 tháng tiền lãi với số tiền 3.600.000 đồng.

Như vậy, L thu lợi bất chính 15,67% lãi suất, với số tiền thu lợi bất chính tương ứng là **2.350.500 đồng**. Hiện chị Trương chưa trả nợ gốc cho L.

3. Tháng 6/2018, L cho anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1992, trú tại ấp Đồn Điền 2, xã TT, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai vay số tiền 40.000.000 đồng, với lãi suất vay 5%/tháng, L thu được tiền lãi 01 tháng với số tiền 2.000.000 đồng, với khoản vay này vì H là người quen nên L chỉ lấy lãi suất 5%/tháng phù hợp với mức lãi suất ngân hàng Nhà Nước cho phép (thấp hơn 8,33%/tháng), nên L không thu lợi bất chính từ khoản cho vay này. Hiện anh H đã hoàn trả đủ cho L tiền gốc vay.

4. Tháng 7/2018, L cho chị Phạm Thị Kim P2, sinh năm 1972, trú tại ấp Phú Tâm, xã Phú Cường, huyện Định Quán vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất vay 24%/tháng, L thu được 20 ngày tiền lãi với số tiền 1.600.000 đồng. Như vậy, L thu lợi bất chính một tháng 15,67% lãi suất, với số tiền thu lợi bất chính tương đương là **1.044.667 đồng**. Hiện số tiền gốc trên chị P2 chưa trả cho L.

5. Tháng 7/2018, L cho chị Hoàng Thị Tú L, sinh năm 1978, trú tại ấp Thái Hòa 2, xã PT, huyện Định Quán vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất vay 24%/tháng, L thu được 01 tháng 10 ngày tiền lãi với số tiền 3.200.000 đồng. Như vậy, L thu lợi bất chính một tháng 15,67% lãi suất, với số tiền thu lợi bất chính tương đương là **2.069.334 đồng**. Hiện số tiền gốc trên chị L đã trả cho L được 2.000.000 đồng còn lại 8.000.000 đồng chưa trả cho L.

6. Tháng 7/2018, L cho chị Nguyễn Thị Lê P, sinh năm 1969, trú tại ấp Chợ, xã PT, huyện Định Quán vay số tiền 15.000.000 đồng, với lãi suất cho vay 24%/tháng. L thu được 01 tháng tiền lãi với số tiền 3.600.000 đồng. Như vậy, L thu lợi bất chính một tháng 15,67% lãi suất, với số tiền thu lợi bất chính tương đương là **2.350.500 đồng**. Hiện số tiền gốc trên chị P chưa trả cho L.

Vật chứng vụ án: Số tiền 24.000.000 đồng tiền mặt thu trong người L; 01 điện thoại di động hiệu Sam sung A8 màu đen; 01 điện thoại di động Nokia màu xanh; 19 tờ giấy A4 mẫu hợp đồng vay tiền chưa viết, 08 giấy chứng minh photo và 06 sổ hộ khẩu photo; 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị H2 và 01 sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Văn Tiến; 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị Ngọc Nhã (con gái của Nguyễn Thị Lê D); 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Hoàng Dũng (chồng của bà Đ); 01 giấy chứng minh nhân dân, 02 giấy phép lái xe, 01 bằng tốt nghiệp sư phạm mầm non, 01 bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, 01 chứng chỉ A tiếng anh, 02 giấy khai sinh, 01 giấy chứng nhận kết hôn.

Tại cáo trạng số 51/CT-VKS ngày 07 tháng 5 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán đã truy tố bị cáo Lê Thành L về tội “Cho vay lãi

nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thành L: 02 năm-02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà Nước số tiền 4.000.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia màu xanh.

- Tạm giữ số tiền 20.000.000 đồng để đảm bảo công tác thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy: 19 tờ giấy A4 mẫu hợp đồng vay tiền chưa viết, 08 giấy chứng minh phô tô và 06 sổ hộ khẩu phô tô.

- Tịch thu lưu giữ cùng hồ sơ vụ án 13 hợp đồng vay tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D2 vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Định Quán, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Căn cứ để kết tội đối với bị cáo:

Căn cứ vào biên bản bắt người phạm tội quả tang, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung và sự thừa nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ, thể hiện:

Trong khoảng thời gian từ tháng 05/2018 đến tháng 07/2019, tại địa bàn huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, bị cáo Lê Thành L đã có hành vi dùng tiền của mình để cho 06 người vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với mức lãi suất là 30%/tháng, vượt gấp 05 lần của mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự (8,33%/tháng), đối với những người vay gồm: Võ Thị Đ, Lê Thanh H, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Lệ D, Nguyễn Thị Mỹ D2, Bùi Thị Kim C, nhằm thu lợi bất chính với tổng số tiền là: 75.018.061 đồng. Vì vậy có đủ cơ sở kết luận cáo trạng số 51/CT-VKS ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán đã truy tố bị cáo Lê Thành L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa P nên cần đưa ra xét xử bị cáo và có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung là cần thiết.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”, “*thành khẩn khai báo ăn năn hối cải*”, thuộc trường hợp quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang nuôi 02 con còn nhỏ là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, cần thiết xử phạt bị cáo bằng hình phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo hiện là lao động chính trong gia đình, bị cáo bị áp dụng các biện pháp tịch thu sung công quỹ đối với số tiền cho vay và áp dụng hình phạt bổ sung, nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[6] Về dân sự:

- Quá trình điều tra, xác định bị cáo Lê Thành L thu tiền lãi vượt gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật dân sự quy định, đây là khoản tiền bị cáo thu lợi bất chính của người vay, nên hoàn trả lại số tiền này cho những người liên quan bao gồm:

1. Bà Võ Thị Đ: 20.405.918 đồng.
2. Anh Lê Thanh H: 1.950.500 đồng.
3. Chị Nguyễn Thị H2: 12.472.975 đồng.
4. Chị Nguyễn Thị Lệ D: 14.446.668 đồng.
5. Chị Vũ Thị Mỹ D2: 1.905.000 đồng.
6. Chị Bùi Thị Kim C: 23.837.000 đồng.

- Đối với khoản tiền lãi tương ứng của những người liên quan đã thanh toán cho bị cáo Lê Thành L, đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, nên sau khi trừ số tiền lãi pH trả cho người liên quan, buộc bị cáo Lê Thành L nộp số tiền lãi còn lại để sung công quỹ nhà Nước:

1. Bà Võ Thị Đ, đã thanh toán tiền lãi là 28.000.000 đồng - 20.405.918 đồng = 7.594.082 đồng.

2. Anh Lê Thanh H: đã thanh toán tiền lãi là 33.150.000 đồng - 1.950.500 đồng = 1.199.500 đồng.

3. Chị Nguyễn Thị H2: đã thanh toán tiền lãi là 17.500.000 đồng - 12.472.975 đồng = 5.027.025 đồng.

4. Chị Nguyễn Thị Lệ D: đã thanh toán tiền lãi là 20.000.000 đồng - 14.446.668 đồng = 5.553.332 đồng.

5. Chị Vũ Thị Mỹ D2: đã thanh toán tiền lãi là 3.150.000 đồng - 1.905.000 đồng = 1.245.000 đồng.

6. Chị Bùi Thị Kim C: đã thanh toán tiền lãi là 33.000.000 đồng - 23.837.000 đồng = 9.163.000 đồng.

- Đối với khoản tiền gốc bị cáo L cho những người liên quan vay và khoản tiền vay gốc mà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay nhưng chưa thanh toán cho bị cáo L, đây là khoản tiền dùng để làm P tiện phạm tội, nên buộc bị cáo L và những người liên quan nộp lại để tịch thu sung công, gồm:

1. Số tiền gốc bà Võ Thị Đ đã vay và thanh toán cho bị cáo: vay 30.000.000 đồng, đã thanh toán 25.000.000 đồng, nên bị cáo nộp 25.000.000 đồng, bà Đ nộp 5.000.000 đồng.

2. Số tiền gốc anh Lê Thanh H đã vay và thanh toán cho bị cáo: vay 15.000.000 đồng, đã thanh toán 15.000.000 đồng, nên bị cáo nộp 15.000.000 đồng.

3. Số tiền gốc chị Nguyễn Thị H2 đã vay và thanh toán cho bị cáo: vay 45.000.000 đồng, chưa thanh toán nên chị H2 nộp 45.000.000 đồng.

4. Số tiền gốc bà Nguyễn Thị Lệ D đã vay và thanh toán cho bị cáo: vay 40.000.000 đồng, đã thanh toán 30.000.000 đồng, nên bị cáo nộp 30.000.000 đồng, bà D nộp lại 10.000.000 đồng.

5. Số tiền gốc bà Vũ Thị Mỹ D2 đã vay và thanh toán cho bị cáo: vay 15.000.000 đồng, chưa thanh toán nên bà D2 nộp lại 15.000.000 đồng.

6. Số tiền gốc bà Bùi Thị Kim C đã vay và thanh toán cho bị cáo: vay 30.000.000 đồng, chưa thanh toán, nên chị C nộp lại 30.000.000 đồng.

[6] Về vật chứng vụ án:

- Đối với số tiền 24.000.000 đồng tiền mặt thu trong người L (có 4.000.000 đồng là tiền thu tiền lãi), đây là số tiền bị cáo tiêu xài cá nhân, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung A8 màu đen, quá trình điều tra xác định của bị cáo L và không sử dụng vào việc phạm tội nên cơ quan điều tra đã trao trả cho chủ sở hữu là phù hợp.

- Đối với 01 điện thoại di động Nokia màu xanh, quá trình điều tra xác định sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà Nước là phù hợp.

- Đối với 19 tờ giấy A4 mẫu hợp đồng vay tiền chưa viết, 08 giấy chứng minh phô tô và 06 sổ hộ khẩu phô tô, đã chuyển qua C cục Thi hành án dân sự, không p/H là chứng cứ, nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị H2 và 01 sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Văn Tiến, quá trình điều tra xác định đây là những giấy tờ mà Nguyễn Thị H2 dùng để cầm cố cho L để đảm bảo việc vay tiền và là những giấy tờ nhân thân, nên cơ quan điều tra đã trao trả cho chủ sở hữu là phù hợp.

- Đối với 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị Ngọc Nhã (là con gái của Nguyễn Thị Lệ D), quá trình điều tra xác định đây là những giấy tờ mà chị D dùng để cầm cố cho bị cáo L để đảm bảo việc vay tiền và là những giấy tờ nhân thân, nên cơ quan điều tra đã trao trả cho chủ sở hữu là phù hợp.

- Đối với 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Hoàng Dũng (chồng của bà Đ), quá trình điều tra xác định đây là những giấy tờ mà bà Đ dùng để cầm cố cho bị cáo L để đảm bảo việc vay tiền và là những giấy tờ nhân thân, nên cơ quan điều tra đã trao trả cho chủ sở hữu là phù hợp.

- Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân, 02 giấy phép lái xe, 01 bằng tốt nghiệp sư phạm mầm non, 01 bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, 01 chứng chỉ A tiếng Anh, 02 giấy khai sinh, 01 giấy chứng nhận kết hôn, quá trình điều tra xác định đây là những giấy tờ mà những người vay tiền của L cầm cố lại, nhưng hiện chưa làm việc được với những người trên nên chưa đủ cơ sở xử lý. Cơ quan điều tra tách ra, tiếp tục làm việc xử lý sau là có cơ sở.

- Đối với 13 hợp đồng vay tiền giữa L và những người vay trên, quá trình điều tra xác định đây là những chứng cứ quan trọng của vụ án nên tịch thu lưu giữ cùng hồ sơ vụ án là phù hợp.

[6] Về các vấn đề khác:

Đối với hành vi L cho anh Nguyễn Ngọc H vay số tiền 40.000.000 đồng, với lãi suất vay 5%/tháng, quá trình điều tra xác định lãi suất trên không vượt quá mức lãi suất cho phép trong giao dịch dân sự nên không xử lý là có cơ sở.

Đối với các khoản tiền cho các người liên quan vay 06 người khác vay bao gồm ông Võ Cao T, Triệu Thị T2, Nguyễn Ngọc H, Phạm thị Kim P2, Hoàng Thị Tú L, Nguyễn Thị Lê P, cơ quan điều tra chưa làm việc được do họ không còn ở địa P. Do đó, cần tách ra và xử lý sau khi xác minh làm việc được với những người này.

[7] Về án phí: bị cáo pH chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm là 3.750.000 đồng đối với số tiền pH hoàn trả cho người liên quan (5% x 75.017.561 đồng).

[8] Đề nghị của Viện kiểm sát: Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với bị cáo, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Thành L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 31 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thành L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày UBND cấp xã được giao giám sát, giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Lê Thành L cho UBND xã TT, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai (nơi bị cáo cư trú) để giám sát giáo dục.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lê Thành L.

Hình phạt bổ sung: áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự: phạt bổ sung bị cáo Lê Thành L số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

2. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

2.1. Buộc bị cáo Lê Thành L nộp các khoản tiền để tịch thu sung công quỹ nhà nước gồm:

- Tiền gốc cho vay làm P tiện phạm tội: 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng;
- Tiền lãi hợp pháp thu được do hoạt động phát sinh từ tội phạm: 29.781.939 (hai mươi chín triệu, bảy trăm tám mươi một ngàn, chín trăm ba mươi chín) đồng;

Tổng cộng: 99.781.939 (chín mươi chín triệu, bảy trăm tám mươi một ngàn, chín trăm ba mươi chín) đồng.

2.2. Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền bị cáo cho vay, nhưng chưa thanh toán cho bị cáo L, để tịch thu sung công quỹ nhà nước gồm:

- Bà Võ Thị Đ là: 5.000.000 (năm triệu) đồng;

- Bà Nguyễn Thị Lệ D: 10.000.000 (mười triệu) đồng;
 - Bà Nguyễn Thị H2: 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng;
 - Bà Vũ Thị Mỹ D2: 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng;
 - Bà Bùi Thị Kim C: 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.
- Tổng cộng: 105.000.000 (một trăm L năm triệu) đồng.

2.3. Buộc bị cáo Lê Thành L hoàn trả số tiền lãi thu lợi bất chính cho những người liên quan gồm:

- Bà Võ Thị Đ: 20.405.918 (hai mươi triệu, bốn trăm lẻ năm ngàn, chín trăm mười tám) đồng;
- Anh Lê Thanh H: 1.950.000 (một triệu, chín trăm, năm mươi ngàn) đồng;
- Bà Nguyễn Thị H2: 12.472.975 (mười hai triệu, bốn trăm bảy mươi hai ngàn, chín trăm bảy mươi lăm) đồng;
- Bà Nguyễn Thị Lệ D: 14.446.668 (mười bốn triệu, bốn trăm bốn mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi tám) đồng;
- Bà Vũ Thị Mỹ D2: 1.905.000 (một triệu, chín trăm, năm mươi ngàn) đồng;
- Bà Bùi Thị Kim C: 23.837.000 (hai mươi ba triệu, tám trăm ba mươi bảy ngàn) đồng.

Tổng cộng: 75.018.061 (bảy mươi lăm triệu, không trăm mười tám ngàn, không trăm sáu mươi một) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.4. Vật chứng:

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng để đảm bảo công tác thi hành án.

(Theo biên lai thu tiền số 0002798 ngày 16/7/2020 của C cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán).

- Tịch thu sung quỹ Nhà Nước 01 điện thoại di động Nokia màu xanh.
- Tịch thu tiêu hủy: 19 tờ giấy A4 mẫu hợp đồng vay tiền chưa viết, 08 giấy chứng minh phô tô và 06 sổ hộ khẩu phô tô.

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21 tháng 8 năm 2020 của C cục thi hành án dân sự huyện Định Quán).

- Tịch thu lưu giữ cùng hồ sơ vụ án 13 hợp đồng vay tiền.

3. Về án phí: áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Bị cáo pH chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an H. Định Quán;
- VKSND H. Định Quán ;
- CCTHADS H. Định Quán;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- UBND cấp xã;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ thi hành án;
- Lưu AV, HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Thái